

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt “Quy hoạch phát triển thể dục, thể thao Việt Nam đến năm 2020, định hướng đến năm 2030”

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật thể dục, thể thao ngày 29 tháng 11 năm 2006;

Căn cứ Quyết định số 2198/QĐ-TTg ngày 03 tháng 12 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược phát triển thể dục, thể thao Việt Nam đến năm 2020;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt “Quy hoạch phát triển thể dục, thể thao Việt Nam đến năm 2020, định hướng đến năm 2030” (sau đây gọi tắt là Quy hoạch) với các nội dung chủ yếu sau đây:

I. QUAN ĐIỂM

1. Quy hoạch phát triển thể dục, thể thao phải phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, của các địa phương, góp phần nâng cao sức khỏe, thể lực của nhân dân, xây dựng lối sống và môi trường văn hóa lành mạnh trong các cộng đồng dân cư.

2. Quy hoạch phát triển thể dục, thể thao một cách hài hòa giữa các đối tượng, phù hợp với các vùng, miền trong cả nước; giữa phát triển thể dục, thể thao cho mọi người với thể thao thành tích cao và thể thao chuyên nghiệp.

3. Đẩy mạnh thực hiện xã hội hóa các hoạt động thể dục, thể thao phù hợp với Quy hoạch, đáp ứng về cơ bản nhu cầu tập luyện thể dục, thể thao, nhằm bảo vệ, chăm sóc sức khỏe, nâng cao đời sống văn hóa, tinh thần của nhân dân.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát.

Đến năm 2020, thể dục, thể thao cơ bản được phát triển đồng đều giữa các đối tượng, rộng khắp giữa các vùng, miền, các địa phương trong cả nước, góp phần nâng cao sức khỏe và tuổi thọ của người Việt Nam, vì sự nghiệp dân cường, nước thịnh. Thành tích ở một số môn thể thao có thế mạnh của Việt Nam đạt trình độ của châu lục và thế giới.

Phấn đấu đến năm 2030, Việt Nam trở thành quốc gia có nền thể dục, thể thao phát triển ở châu lục.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Thể dục, thể thao cho mọi người:

- Thể dục, thể thao quần chúng:

+ Người tập luyện thể dục, thể thao thường xuyên đạt 28% dân số vào năm 2015, đạt 33% dân số vào năm 2020 và đạt trên 40% dân số vào năm 2030.

+ Gia đình thể thao đạt 22% tổng số hộ gia đình vào năm 2015, đạt 25% tổng số hộ gia đình vào năm 2020 và đạt trên 30% tổng số hộ gia đình vào năm 2030.

- Giáo dục thể chất và thể thao trong nhà trường:

+ Tỷ lệ học sinh, sinh viên thực hiện chương trình giáo dục thể chất chính khóa đạt 100% từ năm 2015 trở đi đối với tất cả các cấp học, bậc học.

Từ sau năm 2015, phấn đấu nâng cao chất lượng giáo dục thể chất chính khóa, đáp ứng yêu cầu và xu thế phát triển của đất nước.

+ Tỷ lệ học sinh tham gia tập luyện thể dục, thể thao ngoại khóa thường xuyên ở các cấp học:

. Tiểu học: Đạt 45% vào năm 2015, đạt 60% vào năm 2020 và đạt trên 70% vào năm 2030.

. Trung học cơ sở: Đạt 50% vào năm 2015, đạt 70% vào năm 2020 và đạt trên 85% vào năm 2030.

. Trung học phổ thông: Đạt 75% vào năm 2015, đạt 80% vào năm 2020 và đạt trên 90% vào năm 2030.

+ Tỷ lệ học sinh đạt tiêu chuẩn đánh giá, xếp loại thể lực học sinh theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo:

. Tiểu học và trung học cơ sở: Đạt 85% vào năm 2015, đạt 90% vào năm 2020 và đạt 95% vào năm 2030.

. Trung học phổ thông: Đạt 85% vào năm 2015, đạt 90% vào năm 2020 và đạt trên 95% vào năm 2030.

+ Tỷ lệ trường thực hiện đầy đủ các hoạt động giáo dục thể chất và thể thao trong nhà trường ở các cấp học, bậc học:

. Mẫu giáo: Đạt 45% vào năm 2015, đạt 60% vào năm 2020 và đạt trên 90% vào năm 2030.

. Tiểu học: Đạt 40% vào năm 2015, đạt 60% vào năm 2020 và đạt trên 90% vào năm 2030.

. Trung học cơ sở: Đạt 45% vào năm 2015, đạt 65% vào năm 2020 và đạt trên 90% vào năm 2030.

. Trung học phổ thông: Đạt 60% vào năm 2015, đạt 70% vào năm 2020 và đạt trên 90% vào năm 2030.

. Trung cấp chuyên nghiệp và trung cấp nghề, cao đẳng và cao đẳng nghề, đại học: Đạt 70% vào năm 2015, đạt 80% vào năm 2020 và đạt trên 90% vào năm 2030.

+ Tỷ lệ giáo viên, giảng viên thể dục, thể thao trên số học sinh, sinh viên ở các cấp học, bậc học:

. Tiểu học: Đạt 01/450 vào năm 2015, đạt 01/400 vào năm 2020 và đạt 01/350 vào năm 2030.

. Trung học cơ sở và trung học phổ thông: Đạt 01/400 vào năm 2015, đạt 01/350 vào năm 2020 và đạt 01/300 vào năm 2030.

. Trung cấp chuyên nghiệp và trung cấp nghề, cao đẳng và cao đẳng nghề, đại học: Đạt 01/500 vào năm 2015, đạt 01/400 vào năm 2020 và đạt 01/300 vào năm 2030.

+ Diện tích sân tập dành cho giáo dục thể chất và thể thao trong nhà trường ở các cấp học, bậc học (m²/học sinh, sinh viên):

. Tiểu học: Đạt 01 m² vào năm 2015, đạt 1,5 m² vào năm 2020 và đạt 02 m² vào năm 2030.

. Trung học cơ sở và trung học phổ thông: Đạt 1,5 m² vào năm 2015, đạt 02 m² vào năm 2020 và đạt 2,5 m² vào năm 2030.

. Trung cấp chuyên nghiệp và trung cấp nghề, cao đẳng và cao đẳng nghề, đại học: Đạt 02 m² vào năm 2015, đạt 03 m² vào năm 2020 và đạt 04 m² vào năm 2030.

- Thể dục, thể thao trong lực lượng vũ trang:

+ Tỷ lệ cán bộ, chiến sỹ tập luyện thể dục, thể thao thường xuyên đạt 90% từ năm 2015 trở đi đối với lực lượng quân đội nhân dân; đạt 85% vào năm 2015 và đạt 100% từ năm 2020 trở đi đối với lực lượng công an nhân dân.

+ Tỷ lệ cán bộ, chiến sỹ đạt tiêu chuẩn rèn luyện thể lực đạt 80% vào năm 2015, đạt 85% vào năm 2020 và đạt trên 90% vào năm 2030.

b) Thể thao thành tích cao và thể thao chuyên nghiệp:

- Lực lượng vận động viên, huấn luyện viên, trọng tài:

+ Vận động viên: Số vận động viên đội tuyển quốc gia đạt khoảng 2.500 người vào năm 2015, đạt khoảng 4.000 người vào năm 2020 và đạt trên 5.000 người vào năm 2030; số vận động viên ở các câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp đạt khoảng 1.200 người vào năm 2015, đạt khoảng 2.000 người vào năm 2020 và đạt trên 4.000 người vào năm 2030; số vận động viên có thành tích quốc tế đạt khoảng 600 người vào năm 2015, đạt khoảng 1.200 người vào năm 2020 và đạt trên 2.400 người vào năm 2030.

+ Huấn luyện viên các cấp đạt trên 1.700 người vào năm 2015, đạt khoảng 2.500 người vào năm 2020 và đạt trên 4.000 người vào năm 2030, trong đó: Huấn luyện viên cấp cao đạt khoảng 500 người vào năm 2015, đạt khoảng 700 người vào năm 2020 và đạt trên 1.000 người vào năm 2030; huấn luyện viên chuyên nghiệp đạt khoảng 80 người vào năm 2015, đạt khoảng 150 người vào năm 2020 và đạt trên 300 người vào năm 2030.

+ Trọng tài các cấp đạt khoảng 3.000 người vào năm 2015, đạt khoảng 3.500 người vào năm 2020 và đạt trên 4.000 người vào năm 2030, trong đó trọng tài cấp quốc tế đạt khoảng 250 người vào năm 2015, đạt khoảng 300 người vào năm 2020 và đạt trên 350 người vào năm 2030.

- Đào tạo vận động viên thể thao:

+ Vận động viên năng khiếu thể thao nghiệp dư: Hàng năm tổ chức đào tạo trên 2.000 vận động viên cấp quận, huyện tại mỗi tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, tùy thuộc vào điều kiện của từng địa phương.

+ Vận động viên năng khiếu trẻ được đào tạo tập trung: Hàng năm tổ chức đào tạo từ 500 - 2.000 vận động viên ở mỗi tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, tùy thuộc vào điều kiện của từng địa phương.

+ Vận động viên đội tuyển của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các ngành: Hàng năm tổ chức đào tạo từ 200 - 1.000 vận động viên, tùy thuộc vào điều kiện của từng địa phương, từng ngành.

+ Vận động viên đội tuyển trẻ quốc gia và đội tuyển quốc gia: Hàng năm tổ chức tập huấn từ 1.000 - 1.500 vận động viên đội tuyển trẻ quốc gia và từ 2.000 - 2.500 vận động viên đội tuyển quốc gia tại các trung tâm Huấn luyện thể thao quốc gia, trong đó tập trung tập huấn theo chế độ đặc biệt từ 150 - 200 vận động viên đội tuyển quốc gia.

+ Đào tạo vận động viên tại các liên đoàn, hiệp hội thể thao: Từ năm 2015, các liên đoàn, hiệp hội thể thao đã được thành lập phải có kế hoạch đào tạo vận động viên; từ năm 2020 trở đi, tất cả các liên đoàn, hiệp hội thể thao phải tiến hành đào tạo vận động viên.

c) Nhân lực trực tiếp làm việc trong lĩnh vực thể dục, thể thao (ngoài lực lượng vận động viên, huấn luyện viên, trọng tài; giáo viên, giảng viên thể dục, thể thao):

- Về số lượng: Đạt khoảng 22.000 người vào năm 2015, đạt khoảng 29.000 người vào năm 2020 và đạt khoảng 38.000 người vào năm 2030, trong đó nhân lực quản lý đạt trên 2.700 người vào năm 2015, đạt trên 2.800 người vào năm 2020 và đạt trên 3.700 người vào năm 2030.

- Về trình độ: Số nhân lực có trình độ đại học trở lên đạt 50% vào năm 2015, đạt trên 60% vào năm 2020 và đạt trên 80% vào năm 2030.

d) Thành tích thi đấu quốc tế:

- Đối với Đại hội thể thao Đông Nam Á (SEA Games): Năm 2013 đạt 70 - 90 huy chương vàng, xếp hạng 2 - 3 toàn đoàn; các năm: 2015, 2017, 2019 xếp hạng 1 - 3 toàn đoàn; giai đoạn 2020 - 2030, phấn đấu xếp hạng 1 - 2 toàn đoàn.

- Đối với Đại hội Thể thao châu Á (ASIAD): Năm 2014 đạt 2 - 3 huy chương vàng, xếp hạng 15 - 20 toàn đoàn; năm 2019 đạt 10 - 15 huy chương vàng, xếp hạng 10 - 15 toàn đoàn; giai đoạn 2020 - 2030, phấn đấu xếp hạng trong nhóm 10 nước dẫn đầu châu lục.

- Đối với Thế vận hội Olympic: Năm 2016 có 30 - 40 vận động viên tham dự, đạt 1 - 2 huy chương; giai đoạn 2020 - 2030 có 30 - 50 vận động viên tham dự, đạt trên 2 huy chương, phấn đấu có huy chương vàng.

III. MỘT SỐ CHƯƠNG TRÌNH, ĐỀ ÁN TRỌNG ĐIỂM

Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện các nhiệm vụ chủ yếu đã được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao, trong đó trong giai đoạn 2013 - 2015, tập trung xây dựng, hoàn thiện và trình cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt các chương trình, đề án trọng điểm sau đây:

1. Đề án tổng thể chuẩn bị và tổ chức Đại hội Thể thao châu Á lần thứ 18 năm 2019 tại Việt Nam.

2. Đề án đào tạo vận động viên chuẩn bị cho Đại hội thể thao châu Á lần thứ 18 năm 2019 tại Việt Nam.

3. Đề án ban hành cơ chế, chính sách đối với vận động viên đạt thành tích xuất sắc tại các kỳ đại hội thể thao châu lục và thế giới.

4. Đề án tổng thể phát triển giáo dục thể chất và thể thao trường học.

5. Đề án tăng cường đầu tư trang thiết bị kỹ thuật cho các cơ sở nghiên cứu khoa học về thể dục, thể thao.

6. Chương trình quốc gia về phát triển thể dục, thể thao giai đoạn 2016 - 2020.

7. Đề án phát triển các câu lạc bộ thể dục, thể thao cấp cơ sở.

8. Đề án tăng cường đào tạo đội ngũ hướng dẫn viên, cộng tác viên thể dục, thể thao.

IV. GIẢI PHÁP

1. Nâng cao nhận thức, đẩy mạnh thông tin, truyền thông

- Tăng cường công tác quán triệt, phổ biến chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước đối với hoạt động thể dục, thể thao; nâng cao nhận thức và phát huy vai trò của các cấp ủy Đảng và chính quyền trong công tác phát triển sự nghiệp thể dục, thể thao. Thể dục, thể thao được xác định là một nội dung trong kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm, 5 năm và dài hạn của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và cả nước.

- Đẩy mạnh và đổi mới công tác thông tin, truyền thông về vai trò, tác dụng của thể dục, thể thao, nhằm nâng cao nhận thức của cộng đồng, phát huy mặt tích cực của dư luận xã hội trong việc tuyên truyền, quảng bá các giá trị xã hội của thể dục, thể thao.

- Xây dựng và hoàn thiện hệ thống tổ chức thông tin về thể dục, thể thao, phục vụ có hiệu quả việc tìm kiếm, khai thác, chia sẻ và phổ biến thông tin về thể dục, thể thao giữa cơ quan quản lý nhà nước với các cơ quan, tổ chức, địa phương và các cá nhân trong xã hội.

2. Hoàn thiện thể chế

- Nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung Luật thể dục, thể thao và các văn bản hướng dẫn thi hành cho phù hợp với tình hình thực tiễn trong hoạt động thể dục, thể thao.

- Tiếp tục rà soát, xây dựng, hoàn thiện các quy hoạch, kế hoạch và các cơ chế, chính sách khác về hoạt động thể dục, thể thao, trong đó quy định rõ phạm vi giữa quản lý nhà nước và quản lý sự nghiệp về thể dục, thể thao, chế độ nghiệp vụ thể dục, thể thao, nhằm tạo môi trường pháp lý thuận lợi, thu hút nguồn lực, thúc đẩy thể dục, thể thao phát triển.

3. Đẩy mạnh thực hiện xã hội hóa

- Đẩy mạnh xã hội hóa nhằm huy động mọi nguồn lực trong xã hội đầu tư cho phát triển thể dục, thể thao, trong đó chú trọng đầu tư phát triển thể dục, thể thao quần chúng, thể thao thành tích cao và thể thao chuyên nghiệp.

- Tăng cường phát triển kinh tế thể thao, xác định rõ các lĩnh vực hoạt động kinh doanh thể dục, thể thao, thúc đẩy hoạt động kinh doanh thể thao chuyên nghiệp; khuyến khích các hình thức liên doanh, liên kết, hợp tác giữa nhà nước, các tổ chức xã hội - nghề nghiệp, các doanh nghiệp và các tổ chức, cá nhân trong phát triển kinh doanh thể dục, thể thao ở trong và ngoài nước, phù hợp với chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

- Từng bước chuyển giao các hoạt động tác nghiệp trong hoạt động thể dục, thể thao cho các liên đoàn, hiệp hội thể thao thực hiện.

4. Phát triển nguồn nhân lực

- Triển khai thực hiện quy hoạch phát triển nguồn nhân lực thể dục, thể thao trong cả nước và ở các địa phương.

- Xây dựng, hoàn thiện cơ chế, chính sách đào tạo nhân lực thể dục, thể thao, trong đó chú trọng nhân lực trình độ cao.

- Củng cố và phát triển hệ thống cơ sở đào tạo, bồi dưỡng, huấn luyện đáp ứng yêu cầu về số lượng và chất lượng nhân lực thể dục, thể thao; khuyến khích tổ chức, cá nhân tham gia đào tạo, bồi dưỡng nhân lực thể dục, thể thao.

- Xây dựng và thực hiện chuẩn hóa nhân lực thể dục, thể thao, nhất là đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, giảng viên thể dục, thể thao.

5. Tăng cường công tác nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ

- Đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu và triển khai ứng dụng các thành tựu khoa học và công nghệ vào hoạt động thể dục, thể thao, trong đó có quản lý thể thao, kinh tế thể thao, y học thể thao.

- Đổi mới cơ chế, chính sách nhằm huy động tối đa các nguồn lực ở trong và ngoài nước đầu tư cho khoa học và công nghệ, ứng dụng vào hoạt động thể dục, thể thao.

- Tăng cường đầu tư trang thiết bị phục vụ nghiên cứu và ứng dụng khoa học và công nghệ trong y học thể thao cho các cơ sở y học thể thao và các cơ sở thể thao khác, đáp ứng yêu cầu nghiên cứu khoa học, kiểm tra y học, đánh giá thể chất, phòng ngừa, chữa trị, hồi phục chấn thương, nhất là đối với thể thao thành tích cao.

- Phát huy lợi thế của các cơ sở đào tạo, nghiên cứu về thể dục, thể thao trong đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ cho nhân lực khoa học và công nghệ trong hoạt động thể dục, thể thao.

6. Thúc đẩy hợp tác quốc tế

- Chủ động, tích cực triển khai có hiệu quả các hoạt động hợp tác quốc tế trong thể dục, thể thao.

- Cùng cố và phát triển các hoạt động hợp tác với các quốc gia, vùng lãnh thổ, khu vực đã và đang có quan hệ hợp tác truyền thống về thể dục, thể thao, chú trọng khu vực Đông Nam Á, châu Á và một số quốc gia khác.

- Tiếp tục đa dạng hóa các loại hình hợp tác: Hợp tác tổ chức các hoạt động biểu diễn thể thao, du lịch thể thao và thể thao giải trí; đào tạo, tập huấn vận động viên trong các môn thể thao thế mạnh của mỗi quốc gia; nghiên cứu khoa học, đào tạo cán bộ quản lý, huấn luyện viên.

- Đẩy mạnh hợp tác, liên kết với các quốc gia phát triển về thể dục, thể thao ở châu Á và thế giới, chú trọng các nội dung hợp tác, liên kết đặc thù đối với mỗi quốc gia; duy trì hợp tác với Hội đồng thể thao quân sự quốc tế (CISM).

- Khuyến khích các tổ chức, cá nhân nước ngoài tham gia đầu tư, hỗ trợ nguồn lực phát triển thể dục, thể thao Việt Nam.

7. Tăng cường đầu tư và sử dụng hiệu quả hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật thể dục, thể thao quốc gia

Triển khai thực hiện có hiệu quả Quy hoạch hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật thể dục, thể thao quốc gia sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm:

- Tổ chức triển khai thực hiện các nội dung của Quy hoạch thuộc chức năng, nhiệm vụ được giao; chủ trì hướng dẫn và đôn đốc các Bộ, ngành, địa phương triển khai thực hiện Quy hoạch, đồng thời xây dựng quy hoạch phát triển thể dục, thể thao của Bộ, ngành, địa phương nếu cần thiết.

- Phối hợp với các Bộ, ngành trong việc xây dựng, ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành các cơ chế, chính sách liên quan đến phát triển hoạt động thể dục, thể thao.

- Tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện Quy hoạch trên cả nước; định kỳ hàng năm báo cáo Thủ tướng Chính phủ tình hình thực hiện Quy hoạch, đề xuất điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch nếu cần thiết.

2. Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm:

- Tổ chức triển khai thực hiện Quy hoạch trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao; xây dựng hệ thống chỉ tiêu đánh giá, chế độ kiểm tra và định kỳ đánh giá thể chất và sức khỏe cho học sinh, sinh viên.

- Chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan liên quan xây dựng, ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành các cơ chế, chính sách cần thiết về giáo dục thể chất và thể thao trong nhà trường. Tiếp tục phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch triển khai thực hiện có hiệu quả Đề án tổng thể phát triển thể lực, tầm vóc người Việt Nam giai đoạn 2011 - 2030.

- Kiểm tra, giám sát và định kỳ đánh giá, tổng hợp tình hình triển khai thực hiện Quy hoạch thuộc phạm vi quản lý của từng Bộ và gửi Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

3. Bộ Quốc phòng và Bộ Công an có trách nhiệm:

- Tổ chức triển khai thực hiện Quy hoạch trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao; chỉ đạo phát triển thể dục, thể thao trong lực lượng quân đội nhân dân và lực lượng công an nhân dân; xây dựng quy hoạch chi tiết về phát triển thể dục, thể thao trong lực lượng vũ trang trên cơ sở Quy hoạch này nếu cần thiết.

- Kiểm tra, giám sát và định kỳ đánh giá, tổng hợp tình hình triển khai thực hiện Quy hoạch thuộc phạm vi quản lý của từng Bộ và gửi Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

4. Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Tài chính có trách nhiệm:

Cân đối nguồn lực và bảo đảm kinh phí triển khai thực hiện Quy hoạch theo quy định của Luật ngân sách nhà nước và các quy định pháp luật hiện hành có liên quan.

5. Bộ Y tế có trách nhiệm phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chỉ đạo các hoạt động liên quan đến y học thể thao, phòng chống Doping trong thể thao; tiếp tục phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch triển khai thực hiện có hiệu quả Đề án tổng thể phát triển thể lực, tầm vóc người Việt Nam giai đoạn 2011 - 2030.

6. Bộ Nội vụ có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các Bộ, cơ quan liên quan ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành các cơ chế, chính sách đối với các tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp về thể dục, thể thao.

7. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các tổ chức chính trị - xã hội có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Quy hoạch trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao và theo quy định pháp luật hiện hành.

8. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm:

- Bố trí kinh phí theo phân cấp để tổ chức triển khai thực hiện Quy hoạch tại địa phương; xây dựng và triển khai thực hiện quy hoạch, kế hoạch phát triển thể dục, thể thao hàng năm, 5 năm và dài hạn của địa phương phù hợp với Quy hoạch này.

- Bố trí đủ quỹ đất để đáp ứng yêu cầu phát triển hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật thể dục, thể thao quốc gia ở Trung ương và địa phương.

- Có kế hoạch và tổ chức đào tạo nhân lực phục vụ phát triển thể dục, thể thao tại địa phương; đẩy mạnh xã hội hóa các hoạt động thể dục, thể thao phù hợp với điều kiện cụ thể của địa phương.

- Sử dụng đúng mục đích, có hiệu quả các nguồn kinh phí hỗ trợ của ngân sách trung ương cho phát triển hoạt động thể dục, thể thao tại địa phương theo đúng quy định pháp luật hiện hành.

- Kiểm tra, giám sát và định kỳ đánh giá, tổng hợp tình hình triển khai thực hiện Quy hoạch thuộc phạm vi quản lý của địa phương và gửi Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- UBND các tỉnh, TP trực thuộc TƯ;
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTCP, TGĐ Công TTĐT, các Vụ: TH, KTTH, KTN, QHQT, NC, TKBT, V.III, TCCV;
- Lưu: Văn thư, KGVX (3b).xh 435

**KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**



Nguyễn Thiện Nhân